TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 614/2024/DS-PT
Ngày 12-12-2024
V/v tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền phát sinh hợp đồng dân sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh;

Ông Nguyễn Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 509/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền phát sinh hợp đồng dân sự".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2024/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 446/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 521/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 547/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vương Thị Đ, sinh năm 1958; địa chỉ: số C, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Văn Quang T, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: Văn phòng L, số D, Đại lộ B, khu A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/3/2024), có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH P (viết tắt Công ty P); địa chỉ: số D, đường C, tổ C, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thu T1 - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu T1: Ông Đoàn Văn A, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: số I, đường H, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/12/2024), có mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Công ty TNHH P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Vương Thị Đ và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đ là ông Văn Quang T thống nhất trình bày:

Khoảng đầu tháng 9/2019, bà Đ và bà T1 (người đại diện của Công ty P) có thỏa thuận cùng hợp tác mở đại lý bán nhớt cho Công ty P ở thành phố T, tỉnh Bình Dương. Thỏa thuận trên chỉ bằng lời nói, không có văn bản, còn loại nhớt dự định hợp tác bán, bà T1 nói sẽ dẫn bà Đ đến công ty N để giới thiệu cho Đ biết. Theo nội dung thỏa thuận thì bà Đ và Công ty P mỗi bên hùn vốn với số tiền 750.000.000 đồng để mở đại lý bán nhớt, bà T1 yêu cầu bà Đ chuyển trước số tiền 250.000.000 đồng, tương ứng 30% tiền nhớt để bà T1 làm các thủ tục mở đại lý.

Sau đó, (bà Đ không nhớ rõ ngày của tháng 10/2019), bà T1 dẫn bà Đ và 02 con của bà Đ qua công ty sản xuất nhớt ở thành phố D, thuộc nước Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất để tham quan mô hình sản xuất nhớt của công ty này (công ty tên gì bà Đ không nhớ). Khi tham quan công ty nhớt trên, bà T1 trao đổi với giám đốc công ty nhớt đó như thế nào thì bà Đ không biết.

Khoảng đầu tháng 11/2019, bà T1 thông báo cho bà Đ biết là không mở được đại lý, cũng không nói lý do. Nghe vậy, bà Đ nói với bà T1 trả lại số tiền 250.000.000 đồng đã chuyển cho Công ty P ngày 27/9/2019. Bà T1 cho biết bà T1 không có tiền trả lại và nói với bà Đ chờ Công ty P giới thiệu khách mua nhớt của công ty nhớt ở D rồi trích phần trăm hoa hồng của công ty trả cho bà Đ. Bà Đ nghe vậy đồng ý. Tuy nhiên, sau đó bà Đ nhiều lần liên hệ với bà T1 yêu cầu trả tiền nhưng bà T1 cứ hẹn và đổ thừa do bị dịch bệnh C - 19 không có nhập hàng được nên không có tiền để trả.

Vì vậy, bà Đ khởi kiện yêu cầu Công ty P trả lại cho bà Đ số tiền 250.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 29/9/2019 đến ngày Tòa án xét xử vụ án với mức lãi suất 10%/năm, lãi suất tạm tính là 75.000.000 đồng. Tổng cộng là 325.000.000 đồng.

- Bị đơn Công ty TNHH P trình bày:

Khoảng tháng 9/2019, bà Đ và Công ty P có thỏa thuận bằng lời nói với nhau về việc hùn hạp mở đại lý phân phối nhớt tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Số tiền mỗi bên hùn là 3.000.000.000 đồng để mua nhớt tại nhà máy D về Việt Nam kinh doanh, khi kinh doanh thì lợi nhuận chia theo tỷ lệ bà Đ 51%,

Công ty P 49%. Bà Đ chịu trách nhiệm làm thủ tục mở đại lý. Tuy nhiên, bà Đ không thực hiện thủ tục mở đại lý như thỏa thuận. Sau đó, bà Đ có yêu cầu Công ty P đặt hàng một lô nhớt tại Dubai, giá trị lô hàng là 750.000.000 đồng; ngày 27/9/2019, bà Đ có nộp số tiền 250.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty P, nội dung nộp tiền ghi "tạm ứng 30% tiền nhớt". Sau khi bà Đ chuyển tiền, Công ty P đã đặt hàng qua email và chuyển toàn bộ số tiền đã nhận của bà Đ để đặt cọc cho công ty nhớt tại D.

Ngày 20/11/2019, lô hàng nhớt container đã về cảng C, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bà Đ từ chối nhận hàng. Công ty P thông báo cho bà Đ biết nếu bà Đ từ chối nhận hàng thì sẽ mất 30% tiền cọc đơn hàng, tức là mất số tiền 250.000.000 đồng thì bà Đ không có ý kiến.

Ngày 24/12/2019, bà Đ điện thoại mượn bà T1 số tiền 100.000.000 đồng để trả tiền điện. Sau đó, bà Đ không trả bà T1 số tiền này mà yêu cầu cấn trừ qua tiền cọc của lô hàng nhớt, bà T1 chấp nhận. Khoảng đầu năm 2021, bà Đ muốn đòi Công ty P trả lại số tiền 250.000.000 đồng tiền của lô hàng nhớt, vì có mối quan hệ thân quen với bà Đ nên bà T1 nói với bà Đ là sẽ yêu cầu nhà máy trích phần trăm tiền nhớt của mỗi lô hàng Công ty P nhập về để công ty trả cho bà Đ hết số tiền 150.000.000 đồng. Mỗi một lô hàng nhớt nhập về thì Công ty P sẽ được nhà máy nhớt tại Dubai trích % tiền nhớt là 50.000.000 đồng. Công ty P chỉ cần trích cho bà Đ % tiền nhớt của 03 lô hàng là có thể trả được tiền cho bà Đ. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của tình hình hình dịch bệnh C - 19 nên Công ty P chưa nhập lô nhớt nào về Việt Nam nên chưa thể thanh toán cho bà Đ.

Ngày 01/10/2021, bà T1 có chuyển khoản cho bà Đ số tiền 5.000.000 đồng. Ngoài ra, trong khoảng thời gian gần Tết Nguyên đán năm 2022, bà T1 có đưa bà Đ số tiền 3.000.000 đồng để bà Đ đi chợ Tết. Tổng số tiền bà Đ đã nhận của bà T1 là 108.000.000 đồng nếu khấu trừ số tiền này vào số tiền 250.000.000 đồng bà Đ đã chuyển khoản cho Công ty P thì Công ty P chỉ còn trả bà Đ số tiền 142.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ, Công ty P chỉ đồng ý trả lại cho bà Đ số tiền 125.000.000 đồng (bút lục 78).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Thị Đ đối với bị đơn Công ty TNHH P.

Buộc Công ty TNHH P có nghĩa vụ trả cho bà Vương Thị Đ số tiền 319.722.222 đồng (ba trăm mười chín triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng); trong đó gồm số tiền 250.000.000 đồng Công ty TNHH P đã nhận của bà Vương Thị Đ và số tiền 69.722.222 đồng (sáu mươi chín triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng) tiền lãi.

Sau khi bản án dân sự sơ thẩm trên có hiệu lực thi hành, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T1 khiếu nại bản án sơ thẩm trên theo thủ tục giám đốc thẩm tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 258/2023/DS-GĐT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử lại.

- Quá trình Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương thụ lý, giải quyết lại vụ án, nguyên đơn bà Vương Thị Đ trình bày ý kiến và thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà Đ thừa nhận ngày 24/12/2019, bà Đ có mượn bà T1 số tiền 100.000.000 đồng để trả tiền điện. Sau đó, bà Đ không trả mà nói cấn trừ vào số tiền đặt cọc mua nhớt thì được bà T1 chấp nhận. Số tiền 150.000.000 đồng còn lại bà Đ liên tục nhắn tin Zalo cho bà T1 hối thúc yêu cầu trả nhưng bà T1 không trả.

Bà Đ thừa nhận tin nhắn Zalo do bà T1 giao nộp có tên "Y Đẹp" là số điện thoại của bà Đ trao đổi tin nhắn Zalo với bà T1. Tại tin nhắn zalo ngày 31/10/2021, bà T1 có chụp lại màn hình tin Z trước đó trao đổi với bà Đ (bút lục 38), có nội dung: bà T1 xác nhận đúng ngày 29/9/2021 còn lại bao nhiêu tiền gửi lại cho bà Đ. Bà Đ nhắn lại tin Z cho bà T1, nội dung: "*Thôi con xác nhận 29/9 con trả y 150 triệu là được rồi*".

Tuy nhiên, ngày 30/9/2021, bà T1 chỉ trả cho bà Đ được số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó, bà Đ nhắn tin đòi nợ nhưng bà T1 không trả nên ngày 06/10/2021, bà Đ nhắn tin cho bà T1 có nội dụng: "*Dứt khoát ngày mai 07/10/2021 con trả lại y 145 triệu không nói nhiều nữa*". Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, bà T1 là người đại diện hợp pháp của Công ty P vẫn chưa trả số tiền 145.000.000 đồng còn lại cho bà Đ.

Do đó, bà Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc Công ty TNHH P trả cho bà Đ số tiền 145.000.000 đồng; về tiền lãi, bà Đ yêu cầu Công ty TNHH P trả lãi kể từ ngày 07/10/2021 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 10%/năm.

- Quá trình Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương thụ lý, giải quyết lại vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu Tl trình bày:

Bà T1 không đến hoặc đến nhưng không đúng ngày, giờ mà Tòa án thông báo làm việc; không giao nộp văn bản trình bày ý kiến; không tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; bị đơn giao nộp cho Tòa án: Hóa đơn chiếu lệ số 190929-01 lập ngày 29/9/2019 của Ngân hàng A1.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đ là ông Văn Quang T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc 145.000.000 đồng; về tiền lãi,

người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Công ty P trả số tiền lãi từ ngày 07/10/2021 đến ngày 21/8/2024 là 40.919.000 đồng, với mức lãi suất 10%/năm; tiền lãi sau ngày 21/8/2024 trở đi, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả theo quy định pháp luật.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty P là bà Nguyễn Thị Thu T1 trình bày: bà Đ và Công ty P không có thỏa thuận hợp tác mở đại lý để kinh doanh nhớt. Bà Đ biết Công ty P kinh doanh mặt hàng nhớt của công ty nhớt ở D nên nhờ Công ty P đặt mua giùm nhớt để bán lại cho bạn bè của bà Đ. Tuy nhiên, sau khi Công ty P đặt hàng mua nhớt xong, khoảng tháng 11/2019, lô hàng nhớt container đã về cảng C, Thành phố Hồ Chí Minh, bà T1 thông báo cho bà Đ biết để nhận nhớt thì bà Đ không nhận. Vì vậy, Công ty P có văn bản từ chối nhận hàng, trả lại cho công ty nhớt ở D. Lỗi này của bà Đ nên bà Đ phải chịu mất tiền cọc nên bà T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Bà T1 giao nộp thêm cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Thư từ chối nhận hàng của Công ty P không ghi ngày tháng năm; Vận đơn số 300900055544 ngày phát hành 17/10/2019, địa điểm Dubai; Thông báo giao dịch và truyền tin, nội dung Công ty P yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á chuyển tiền thanh toán trước 30% nhớt cho công ty nhớt ở nước Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất ngày 30/9/2019; Văn bản chứng nhận ngày 14/8/2024 của Công ty M về việc hủy đơn hàng (nhớt) theo Hóa đơn số 190929-01 ngày 29/9/2019, công ty đã lấy lại container hàng hóa khách hàng đã hủy, không hoàn lại khoản tiền tạm ứng; Hợp đồng đại lý độc quyền ngày 04/7/2019 giữa Công ty M và Công ty P; thư gửi ngày 18/5/2023 của Công ty M về việc xác nhận đại lý độc quyền nhãn hiệu nhớt "Makinalube" của Công ty P và 13 tờ giấy A4 có chứa nội dung tin nhắn bằng mạng xã hội Zalo.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2024/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Thị Đ đối với bị đơn Công ty TNHH P về việc "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền phát sinh hợp đồng dân sự".

Buộc Công ty TNHH P có nghĩa vụ trả cho bà Vương Thị Đ tổng số tiền nợ 185.919.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu chín trăm mười chín nghìn đồng), trong đó: tiền nợ gốc 145.000.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 07/10/2021 đến ngày 21/8/2024 là 40.919.000 đồng (bốn mươi triệu chín trăm mười chín nghìn đồng) theo Giấy nộp tiền ngày 27/9/2019 của bà Đ cho Công ty TNHH P có xác nhận của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/9/2024, bị đơn Công ty TNHH P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH P là ông Đoàn Văn A vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH P là ông Đoàn Văn A đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đưa thiếu người tham gia tố tụng chính là bà Nguyễn Thị Phương T2 và chưa xem xét, thu thập chứng cứ như định tại Quyết định Giám đốc thẩm số 258/2023/DS-GĐT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa sơ thẩm giải quyết không khách quan nhưng chỉ là lời trình bày, quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm bị đơn không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình tố tụng sơ thẩm lần thứ nhất, bà Vương Thị Đ và bà Nguyễn Thị Thu T1 (người đại diện theo pháp luật của Công ty P) trình bày thống nhất, số tiền bà Đ chuyển vào tài khoản của Công ty P ngày 27/9/2019 là xuất phát từ thỏa thuận bằng lời nói của bà Đ và bà T1 về việc bà Đ sẽ hùn vốn cùng bà T1 để Công ty P mở đại lý phân phối, kinh doanh mua bán nhớt tại thành phố T, tỉnh Bình Dương cho bà Đ. Ngày 27/9/2019, bà Đ chuyển vào tài khoản của Công ty P số tiền 250.000.000 đồng ghi nội dung "tạm ứng 30% tiền nhớt".

[2] Sau khi vụ án bị hủy, giao về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án, người đại diện hợp pháp của Công ty P cho rằng giữa Công ty P với bà Đ không có thỏa thuận hợp tác mở đại lý để kinh doanh nhớt. Bà Đ nhờ Công ty P đặt mua nhớt giùm bà Đ của công ty N ở thành phố D thuộc nước Các T Ả Rập Thống Nhất để bán lại cho bạn bè bà Đ; có khi, bà T1 trình bày bà Đ đặt cọc mua nhớt của Công ty P vì bà Đ biết Công ty P có kinh doanh mặt hàng này và theo đơn kháng cáo người đại diện hợp pháp của công ty cho rằng đó là số tiền bà Đ đặt cọc để đảm bảo việc cho việc mua bán hàng hóa với Công ty P.

[3] Người đại diện hợp pháp của Công ty P cho rằng số tiền trên là số tiền bà Đ đặt cọc để đảm bảo việc cho việc mua bán hàng hóa với Công ty P, các chứng cứ do bà T1 cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm T3 từ chối nhận hàng của Công ty P không ghi ngày tháng năm; Thông báo giao dịch và truyền tin có nội

dung Công ty P yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á chuyển tiền thanh toán trước 30% nhớt cho công ty nhớt ở nước Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất ngày 30/9/2019; Vận đơn số 300900055544 ngày phát hành 17/10/2019, địa điểm Dubai; Văn bản chứng nhận ngày 14/8/2024 của Công ty M về việc hủy đơn hàng (nhớt) theo Hóa đơn số 190929-01 ngày 29/9/2019, công ty đã lấy lại container hàng hóa khách hàng đã hủy, không hoàn lại khoản tiền tạm ứng và các tin nhắn Zalo giữa bà T1 và bà Đ, giữa bà T1 và NGA CHIA, CHI CO để chứng minh bà Đ vi phạm đặt cọc mua nhớt nên bị mất tiền cọc. Xét, các chứng cứ nêu trên, không có bất kỳ chứng cứ nào chứng minh bà Đ có thỏa thuận nhờ Công ty P đặt cọc mua giùm nhớt của Công ty M và bà Đ không đồng ý nhận hàng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận lời trình bày trên của bị đơn và xác định giữa bà Đ với Công ty P có thỏa thuận, trao đổi bằng lời nói với nhau về việc hợp tác mở đại lý phân phối, kinh doanh mua bán nhớt nên ngày 27/9/2019, bà Đ chuyển vào tài khoản của Công ty P số tiền 250.000.000 đồng với nội dung "tạm ứng 30% tiền nhớt" là có căn cứ.

[4] Công ty P do bà Nguyễn Thị Thu T1 làm người đại diện cho rằng, sau khi thực hiện thỏa thuận hùn vốn kinh doanh mua bán nhớt không thành, bà T1 và bà Đ đồng ý cấn trừ số tiền 100.000.000 đồng tiền bà Đ mượn của bà T1 (ngày 24/12/2019) vào số tiền đặt hàng mua nhớt là 250.000.000 đồng; còn lại số tiền 150.000.000 đồng bà T1 sẽ yêu cầu Công ty P trích phần trăm tiền nhớt của mỗi lô hàng Công ty P nhập về nhưng do chưa nhập được hàng về Việt Nam nên chưa thể thanh toán được cho bà Đ. Ngày 01/10/2021, bà T1 chuyển tiếp cho bà Đ số tiền 5.000.000 đồng và dịp Tết Nguyên đán năm 2022, bà T1 trả tiếp cho bà Đ số tiền 3.000.000 đồng. Tổng cộng, bà T1 là người đại diện cho Công ty P đã trả cho bà Đ số tiền là 108.000.000 đồng. Quá trình giải quyết sơ thẩm lần thứ nhất, Công ty P chỉ đồng ý trả cho bà Đ thêm 125.000.000 đồng, điều này chứng minh bà T1 với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty P đã trình bày ý kiến số tiền đã chuyển là cấn trừ vào số tiền 250.000.000 đồng đã nhận từ bà Đ nên lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Công ty P cho rằng phải đưa cá nhân bà T1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết.

[5] Ngoài ra, tại tin nhắn ngày 27/10/2021 giữa bà Đ và bà T1 thì bà Đ xác nhận bà T1 chỉ còn nợ bà Đ số tiền 145.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ chứng minh bà Đ với Công ty P đã thỏa thuận được việc trả lại số tiền tạm ứng tiền nhớt và thực tế đã trả cho bà Đ được số tiền 105.000.000 đồng, còn lại số tiền 145.000.000 đồng Công ty P chưa trả cho bà Đ. Đối với số tiền 3.000.000 đồng, Công ty P cho rằng đã đưa cho bà Đ đi chợ T4 năm 2022, không được bà Đ thừa nhận, Công ty P cũng không có giấy tờ, tài liệu chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận có việc thanh toán số tiền 3.000.000 đồng là có căn cứ.

[6] Đối với yêu cầu trả lãi: Thỏa thuận giữa các bên là thỏa thuận hợp tác không phải thỏa thuận vay tiền. Trong quá trình thực hiện thỏa thuận hợp tác do không đạt được mục đích trong việc mở đại lý phân phối nhớt nên bà Đ rút phần vốn đã tạm ứng là số tiền 250.000.000 đồng đã chuyển cho Công ty P và được Công ty P đồng ý thể hiện bằng việc bà T1 đã thanh toán hoàn trả lại cho bà Đ

số tiền 105.000.000 đồng, còn lại số tiền 145.000.000 đồng Công ty P chưa thanh toán cho bà Đ. Căn cứ vào các tin nhắn do bị đơn giao nộp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và được nguyên đơn thừa nhận thể hiện bà Đ đã nhắn tin nhiều lần yêu cầu bà T1 thanh toán số tiền 145.000.000 đồng còn lại. Tại tin nhắn Zalo ngày 06/10/2021, bà Đ nhắn tin cho bà T1 với nội dung *"Dứt khoát ngày mai 07/10/2021, con trả lại y 145 triệu không nói nhiều"*; ngày 07/10/2021, bà Đ tiếp tục nhắn tin *"T1 hôm nay chuyển tiền trả cho y nha"*. Người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng chỉ trả số tiền 150.000.000 đồng khi bị đơn nhập được 03 lô hàng từ nước ngoài về Việt Nam nhưng bà Đ không đồng ý và thực tế bị đơn có chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng cho bà Đ. Đồng thời, quá trình tố tụng tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận có nhận được tin nhắn yêu cầu trả số tiền 145.000.000 đồng vào ngày 06/10/2021, ngày 07/10/2021 của bà Đ nhưng do các bên phát sinh tranh chấp nên Công ty P không đồng ý thanh toán số tiền 145.000.000 đồng còn lại cho bà Đ và từ ngày 07/10/2021 cho đến nay, Công ty P không thanh toán thêm cho bà Đ bất kỳ số tiền nào. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với số tiền 145.000.000 đồng từ ngày 07/10/2021 và áp dụng mức lãi chậm trả 0,83%/tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH P là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH P.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2024/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Công ty TNHH P phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003145 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương (do bà Nguyễn Thị Thu T1 nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Mộng Tuyết